

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚC THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 04 - 4 - 2019.

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với hành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Tú.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thái Học.

Ông Nguyễn Văn Học.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Khuất Thị Mỹ Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2018/TLST- DS ngày 21 tháng 12 năm 2018 về Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Cụm 8, xã T, huyện P, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Vũ Văn Ch** (tên gọi khác Chn), sinh năm 1976; vắng mặt.

Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1979; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Viết A**, sinh năm 1965; địa chỉ: Cụm 8, xã T, huyện P, thành phố Hà Nội; vắng mặt, uỷ quyền tham gia tố tụng cho bà

Nguyễn Thị Th, sinh năm 1968; địa chỉ: Cụm 8, xã T, huyện P, thành phố Hà Nội, theo văn bản uỷ quyền ngày 22/02/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Th trình bày như sau:

Bà và anh Vũ Văn Ch, chị Đoàn Thị H không có quan hệ thân thích gì. Vợ chồng anh Vũ Văn Ch, chị Đoàn Thị H là chủ lò gạch ở xã T, huyện P, còn bà và chồng bà là ông Nguyễn Viết A là người làm thuê cho vợ chồng anh Ch, chị H.

Ngày 03/9/2014, vợ chồng anh Ch, chị H có vay của vợ chồng bà số 40.000.000đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) để làm lò gạch, lãi suất là 1,2%/tháng. Hai bên thoả thuận khi nào vợ chồng bà cần tiền thì vợ chồng anh Ch, chị H phải lo trả tiền. Chị H tự viết nội dung trên vào giấy đề ngày 03/9/2014, rồi đưa cho bà Th giữ giấy này.

Quá trình vay tiền, anh Ch và chị H trả được số tiền 1.440.000đồng là tiền lãi của tháng 9, 10 và 11 năm 2014. Đến ngày 03/5/2015, anh Ch, chị H tiếp tục trả cho vợ chồng bà số tiền 2.880.000đồng, là tiền lãi từ tháng 12/2014 đến tháng 5/2015. Ngày 10/5/2015, anh Ch, chị H trả tiếp được tiếp 20 triệu đồng tiền gốc. Còn nợ lại 20 triệu đồng tiền gốc. Sau đó anh Ch, chị H không trả được số tiền gốc và lãi nào cho vợ chồng bà nữa.

Đến ngày 24/02/2017 bà Th và chị H chốt lại số tiền lãi anh Ch, chị H còn nợ vợ chồng bà Th từ tháng 6/2015 đến tháng 02/2017 (21 tháng) là 5.040.000đồng, tiền công đóng than của bà Th cho lò gạch của anh Ch, chị H 3.500.000đồng, tổng cộng là 20.000.000đồng + 5.040.000đồng + 3.500.000đồng = 28.540.000đồng, là số tiền anh Ch, chị H phải trả cho vợ chồng bà Th. Bà Th là người viết số tiền còn chị H ký và ghi rõ họ tên dưới số tiền này trong giấy vay tiền lập ngày 03/9/2014. Ngày 25/3/2017, anh Ch, chị H tiếp tục trả được 3.000.000đồng. Hai bên thoả thuận trừ vào số tiền 28.540.000đồng anh Ch, chị H còn nợ, còn lại là 25.540.000đồng và tiền lãi từ tháng 03/2017 và tháng 4/2017 là 480.000đồng, cộng với 5.700.000đồng tiền công làm gạch của bà Th, tổng cộng anh Ch, chị H còn nợ 31.720.000đồng. Chị H có ký nhận bên dưới giấy vay nợ.

Đến ngày 03/02/2018 tổng tiền lãi là 4.070.000đồng (10 tháng), anh Ch và chị H vẫn không trả cho vợ chồng bà Th. Tính đến tháng 02/2018 anh Ch, chị H còn nợ vợ chồng bà Th số tiền 31.720.000đồng + 4.070.000đồng = 35.790.000đồng (*Ba mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*). Toàn bộ quá trình trả nợ gốc, lãi, tiền công làm gạch đều được bà Th viết tiếp bên dưới văn bản mà chị H viết ngày 03/9/2018.

Nay bà yêu cầu anh Ch và chị H phải trả cho vợ chồng bà số tiền 20.000.000đồng tiền gốc, tiền lãi từ tháng 02/2017 đến tháng 02/2019 theo quy định của pháp luật và buộc anh Ch, chị H phải Th toán nốt tiền công làm gạch cho bà là 6.200.000đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử buộc vợ chồng anh Ch và chị H phải trả cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc là 20.000.000đồng, tiền lãi tính từ tháng 2/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1,2%/tháng và tiền công làm gạch là 6.200.000đ. Ngoài ra bà không còn yêu cầu gì khác.

2. Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị là vợ của anh Vũ Văn Ch. Hiện anh Ch đi làm ăn xa nhà, anh Ch làm gì, ở đâu chị và gia đình không biết cụ thể nhưng thỉnh thoảng anh Ch vẫn về nhà ở thôn B, xã V, huyện P, Hà Nội. Vợ chồng anh chị có lò gạch ở xã T, huyện P, Hà Nội, còn bà Th là người làm thuê cho gia đình. Chị thừa nhận, năm 2014 vợ chồng chị có vay của bà Th số tiền 40.000.000đồng để làm lò gạch, lãi suất 1,2%/tháng. Hai bên thoả thuận khi nào bà Th cần tiền thì vợ chồng chị sẽ trả. Chị có viết nội dung vay tiền vào văn bản đề ngày 03/9/2014.

Quá trình vay tiền, vợ chồng chị đã trả được số tiền 1.440.000đồng là tiền lãi của tháng 9, 10 và 11 của năm 2014. Đến ngày 03/5/2015, vợ chồng chị tiếp tục trả cho bà Th số tiền 2.880.000đồng, là tiền lãi từ tháng 12/2014 đến tháng 5/2015. Ngày 10/5/2015, vợ chồng chị trả được 20 triệu đồng tiền gốc cho vợ chồng bà Th. Còn nợ lại 20 triệu đồng tiền gốc. Sau đó do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng chị không trả được tiếp số tiền gốc và lãi nào cho bà Th nữa.

Đến ngày 24/02/2017 chị và bà Th chốt số tiền lãi vợ chồng chị còn nợ bà Th từ tháng 6/2015 đến tháng 02/2017 (21 tháng) là 5.040.000đồng, tiền công đóng than của bà Th cho lò gạch của gia đình chị là 1 lò được 3.500.000đồng, tổng cộng là 20.000.000đồng + 5.040.000đồng + 3.500.000đồng = 28.540.000đồng, là số tiền vợ chồng chị còn nợ bà Th. Bà Th là người viết số tiền còn chị ký và ghi rõ họ tên dưới số tiền này trong giấy vay nợ lập ngày 03/9/2014. Đến ngày 25/3/2017, vợ chồng chị tiếp tục trả được 3.000.000đồng. Hai bên thoả thuận trừ vào số tiền 28.540.000đồng vợ chồng chị còn nợ, còn lại là 25.540.000đồng và tiền lãi từ tháng 03/2017 và tháng 4/2017 là 480.000đồng, cộng với 5.700.000đồng công làm gạch của bà Th, tổng cộng vợ chồng chị còn nợ là 31.720.000đồng. Chị có ký nhận bên dưới. Nay bà Th yêu cầu vợ chồng chị trả cho bà Th số tiền 20.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi từ tháng 02/2017 đến tháng 02/2019 theo quy định pháp luật, yêu cầu vợ chồng chị Th toán nốt tiền công làm gạch là 6.200.000đồng, chị thừa nhận lời trình bày của bà Th là đúng nhưng nguyện vọng của chị là mong bà Th tạo điều kiện giãn nợ cho vợ chồng chị và miễn toàn bộ tiền lãi cho anh chị vì gia đình tôi đang quá khó khăn. Chị đề nghị khoảng 2 đến 3 năm nữa chị sẽ trả hết toàn bộ số nợ gốc, hoặc mỗi tháng trả từ 200.000đồng đến 500.000đồng.

3. Bị đơn anh Vũ Văn Ch không tham gia tố tụng trong vụ án, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của anh Ch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không nhận được yêu cầu phản tố của anh Ch trong vụ án.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của

những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thời hiệu và thẩm quyền, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thời hiệu và thẩm quyền. Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, việc xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chị H chấp hành đúng các quy định của pháp, anh Ch không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th, buộc vợ chồng anh Ch và chị H phải trả cho vợ chồng bà Th, ông A số tiền nợ gốc là 20.000.000đồng, tiền lãi tính từ tháng 2/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1,2%/tháng và tiền công làm gạch là 6.200.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nhiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Vũ Văn Ch nhưng anh Ch không đến Tòa án trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà Th. Tại phiên tòa, anh Ch đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Tố tụng dân sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ch theo thủ tục chung là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Ngày 03/9/2014 bà Nguyễn Thị Th cùng chồng là ông Nguyễn Viết A có cho vợ chồng anh Vũ Văn Ch, chị Đoàn Thị H vay số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) để làm lò gạch. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,2%/tháng, khi nào bà Th cần tiền thì vợ chồng anh Ch, chị H phải trả cho bà Th. Hai bên có lập giấy tờ viết tay đề ngày 03/9/2014 về việc vay nợ này, anh Vũ Văn Ch, chị Đoàn Thị H có ký nhận bên dưới văn bản. Ngoài ra, anh Ch, chị H còn nợ số tiền đóng than là 3.500.000đồng và tiền công làm gạch là 5.700.000đồng, tổng cộng 9.200.000đồng. Tuy nhiên theo văn bản về việc vay tiền hai bên đã lập thì chỉ ghi lãi suất đối với số tiền vay 40.000.000đồng mà không ghi lãi suất về số tiền đóng than và công làm gạch mà anh Ch, chị H nợ của bà Th. Các lần trả nợ gốc, nợ lãi, tiền công làm gạch và số tiền còn nợ lại đều được ghi tiếp vào phía dưới bản photo của văn bản

đã lập ngày 03/9/2014. Phía chị H xác nhận số tiền còn nợ của bà Th, ông A như bà Th trình bày là đúng. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định, anh Vũ Văn Chín, chị Đoàn Thị H vay bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Viết A số tiền 40.000.000đồng, lãi suất 1,2%/tháng và nợ tiền công đóng than, công làm gạch của bà Th là 9.200.000đồng.

[3]. Xét yêu cầu của bà Th về việc yêu cầu anh Ch và chị H phải trả số tiền nợ gốc là 20 triệu đồng, HĐXX thấy rằng, ngày 3/9/2014 vợ chồng anh Ch và chị H có vay bà Th 40 triệu đồng, quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng anh Ch, chị H đã trả cho bà Th 20 triệu đồng tiền gốc là chính xác, nay bà Th yêu cầu vợ chồng anh Ch, chị H trả nốt 20 triệu tiền gốc theo giấy vay nợ ngày 3/9/2014 là có căn cứ chấp nhận.

Về tiền lãi, hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay tại thời điểm năm 2014 là 1,2%/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th chỉ yêu cầu tính tiền lãi từ tháng 02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong giấy nhận nợ ngày 03/9/2014 là 1,2%/tháng, đối với số tiền lãi từ tháng 6/2015 đến tháng 01/2017 bà Th không yêu cầu anh Ch và chị H phải trả, xét đây là sự tự nguyện của Th nên HĐXX chấp nhận. Về số tiền lãi anh Ch và chị H đã trả cho bà Th đến tháng 5/2015 thì các đương sự không yêu cầu tính lại nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy nhận nợ ngày 03/9/2014 là 1,2%/tháng, HĐXX thấy mức lãi suất này là phù hợp với quy định tại Điều 468 của BLDS 2015 và Điều 2 Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/1/2019 của HĐTPTANDTC, nên HĐXX không phải tính lại phần lãi suất và chấp nhận yêu cầu của bà Th buộc anh Ch, chị H phải trả tiền lãi cho bà Th từ tháng 02/2017 đến xét xử sơ thẩm là ngày 04 tháng 4 năm 2019 là 25 tháng 05 ngày, theo mức lãi suất là 1.2%/tháng = 240.000đồng/1 tháng x 20.000.000đ x 25 tháng 05 ngày = 6.040.000đ

Về việc bà Th yêu cầu anh Ch và chị H trả số tiền công đóng than, làm gạch là 6.200.000đ (*Sáu triệu hai trăm nghìn đồng*), số tiền này tuy không có giấy tờ nhưng chị H cũng thừa nhận là đúng nên HĐXX cần buộc anh Ch và chị H phải trả số tiền 6.200.000đ là tiền công đóng than, làm gạch cho vợ chồng bà Th.

Như vậy buộc anh Ch và chị H phải trả cho vợ chồng bà Th, ông A số tiền nợ gốc là 20.000.000đ, nợ lãi đến ngày 04/4/2019 là 6.040.000đ, tiền đóng than, làm gạch là 6.200.000đ, tổng cộng là 32.240.000đ (*Ba mươi hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng*).

[4]. Về án phí: Yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th được chấp nhận nên anh Vũ Văn Chín và chị Đoàn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th.

Buộc anh Vũ Văn Ch (tên gọi khác là Chn) và chị Đoàn Thị H phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Viết A số tiền gốc là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*), tiền lãi là 6.040.000đ (*sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*) tính từ tháng 02/2017 đến ngày 04/4/2019 và 6.200.000đ (*Sáu triệu hai trăm nghìn đồng*) tiền công đóng than, làm gạch. Tổng cộng là 32.240.000đ (*Ba mươi hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Về án phí: Anh Vũ Văn Ch và chị Đoàn Thị H phải chịu 1.615.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Nguyễn Thị Th số tiền 900.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005475 ngày 21/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- Những người tham gia tố tụng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Tú